TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST.
Ngày: 04 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Hiến;

2. Ông Nguyễn Tiến Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Viện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST–DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về "tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã H, Thừa Thiên Huế; có mặt;

- Bị đơn: Bà Phan Thị L; địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã H, Thừa Thiên Huế; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Hoàng Anh T, sinh năm 1973 (chồng bà L); địa chỉ: Thôn H, xã H, thị xã H, Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà M có góp tiền chơi hụi với bà Phan Thị L. Từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 bà M đã góp hụi được 9.000.000đồng.

Bà M chưa rút được lần hụi nào, hiện nay bà L còn nợ của bà M số tiền là 9.000.000đồng (chín triệu đồng). Bà M đã nhiều lần đến nhà bà L để yêu cầu thanh toán nhưng bà L không thanh toán. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị L và chồng là ông Lê Hoàng Anh T phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 9.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn trình bày, biên bản lấy lời khai và trong quá trình hòa giải tại Tòa án bà Phan Thị L trình bày: Quá trình chơi hụi với bà M thì bà L có nhận tiền hụi gốc của bà M số tiền là 7.000.000đồng nên bà L chỉ chấp nhận trả cho bà M là 7.000.0000đồng. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà L xin được trả cho bà M mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi trả xong khoản nợ. Bà L cho rằng Biên bản làm việc ngày 14/5/2019 tại UBND xã Hương Bình thì bà L thừa nhận còn nợ tiền hụi của 13 người chứ bà không xem số tiền của từng người.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày: Việc chơi hụi giữa bà Phan Thị L và những người liên quan thì ông không hề biết. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông phải trả số tiền là 9.000.0000đồng thì ông đồng ý cùng với bà L trả nợ như bà Phan Thị L đã trình bày.

Tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên ý kiến của mình.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy địnhcủa pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên:

Buộc bà Phan Thị L và ông Lê Hoàng Anh T phải liên đới trả cho bà Trương Thị M số tiền 9.000.000đồng.

Về án phí: Buộc bà L, ông Tuấn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Phan Thị L cư trú tại địa bàn thị xã Hương Trà nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Bà Trương Thị M và bà Phan Thị L đều thừa nhận có góp tiền chơi hụi, Bà L là chủ hụi. Tổng số tiền góp hụi tính đến ngày 14/5/2019 bà M khai là 9.000.000đồng. Bà L khai là 7.000.000đồng.

Xét thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 14/5/2019 tại UBND xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bà L xác nhận còn nợ của bà M số tiền 9.000.000đồng (Ngoài ra còn thừa nhận nợ của 12 người khác).

Xét lời khai của bà L cho rằng bà chỉ nhận của bà M 7.000.000đồng tiền gốc thấy rằng: Tại Biên bản làm việc ngày 14/5/2019 tại UBND xã Hương Bình thì bà L đã có ý kiến: "Để chị bán nhà được thì chị sẽ trả nợ cho các chị em trong danh sách nói trên". Trong danh sách thì nợ của bà M là 9.000.0000đồng và bà L đã thống nhất số tiền này. Tại danh sách ký nhận nợ cùng ngày, bà L cũng ký xác nhận nợ của từng người sau số tiền nợ (ký nợ bà M 9.000.000đ). Vì vậy việc bà L cho rằng bà không xem số tiền của từng người là không có căn cứ.

[1] Như vậy việc bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông Tuấn phải trả số tiền nợ hụi là 9.000.000đồng và không yêu cầu phải trả lãi là có căn cứ, cần chấp nhận phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

Vợ chồng bà L, ông Tuấn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.000.000đồng x 5% = 450.000đồng.

Bà Trương Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M:

Buộc vợ chồng bà Phan Thị L và ông Lê Hoàng Anh T phải liên đới trả cho bà Trương Thị M số tiền nợ là 9.000.000đồng (chín triệu đồng).

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị L và ông Lê Hoàng Anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 450.000đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Trương Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trương Thị M số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007264 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND Thừa Thiên Huế;*
- *VKSND;*
- *THA;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Lê Hữu Nam